

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2024/HN-ST**

Ngày: 13/6/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 06 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 05 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1987; (Xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: **ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

Địa chỉ hiện nay: **số A tỉnh lộ 10, khu phố I, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1984; (Có mặt)

Địa chỉ: **ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thúy H** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **T** tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng cãi vã nhau về việc anh **T** thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu về thì đập phá đồ đạc trong nhà, lớn tiếng chửi bới, có đánh chị hai lần, chị có khuyên anh nhưng anh không thay đổi, vẫn đập phá đồ đạc nên chị không khuyên nữa. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng ly thân, chị và con gái sống tại Thành phố Hồ Chí Minh còn anh **T** về quê sống. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có trao đổi, hàn gắn tình cảm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Có 01 con chung cháu **Phạm Thị Tường V**, sinh ngày 17/07/2008 khi ly hôn chị **H** yêu cầu được nuôi cháu **V** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo nội dung bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh **Phạm Văn T** trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị **H** về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Đối với mâu thuẫn vợ chồng mà chị **H** trình bày thì anh thừa nhận là có anh có nhậu nhẹt, khi nhậu về có lớn tiếng chửi bới đập phá đồ đạc trong nhà, còn việc có đánh chị **H** hay không thì anh không nhớ. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn khác. Tại phiên tòa anh **T** trình bày anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị **H** không chấp nhận và anh cũng không có hướng khắc phục mâu thuẫn giữa vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn với chị **H**.

Về con chung: Có 01 con chung cháu **Phạm Thị Tường V**, sinh ngày 17/07/2008 do không đồng ý ly hôn nên vẫn muốn con sống với ba, mẹ. Nếu trường hợp buộc ly hôn thì anh đồng ý để chị **H** nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Chị **H** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **H**.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H**.

Về con chung: Khi ly hôn giao cháu **Phạm Thị Tường V**, sinh ngày 17/07/2008 cho chị **H** nuôi dưỡng, ghi nhận chị **H** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Thúy H**, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thúy H** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **H**.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị **Nguyễn Thị Thúy H** và anh **Phạm Văn T** là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị **H** yêu cầu được ly hôn với anh **T**. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh **T** thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu về thì đập phá đồ đạc trong nhà, lớn tiếng xúc phạm và có hành vi bạo lực với chị, chị có khuyên anh nhưng anh không thay đổi làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng ly thân, chị và con gái sống tại Thành phố Hồ Chí Minh còn anh **T** về quê sống. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có trao đổi, hàn gắn tình cảm với nhau.

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi anh **T** sống thì địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **T** là có thật, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau về việc anh **T** thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu về thì đập phá đồ đạc trong nhà, lớn tiếng xúc phạm và có hành vi bạo lực gia đình với chị **H** làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh, chị đã nhiều lần trao đổi,

hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành, giữa vợ chồng không còn sự tin tưởng, quan tâm, chăm sóc và yêu thương lẫn nhau. Tại phiên tòa anh **T** cũng xác định không có hướng khắc phục mâu thuẫn giữa vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn với chị **H**. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **H** và anh **T** là đúng theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Có một con chung cháu **Phạm Thị Tường V**, sinh ngày 17/07/2008, khi ly hôn chị **H** yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. **Anh T1** trình bày trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý để chị **H** nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Thấy rằng, từ khi anh **T1** và chị **H** ly thân cháu **V** sống với chị **H** có cuộc sống ổn định. Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên cháu **V** cũng trình bày có nguyện vọng sống với chị **H**. Do đó, để đảm bảo môi trường sống ổn định và phát triển bình thường của con chung nên khi ly hôn giao cháu **V** cho chị **H** nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị **H** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị **H** và anh **T1** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị **H** và anh **T1** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, chị **H** phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thúy H**.

Cụ thể tuyên:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Thúy H** và anh **Phạm Văn T**.

2. Về con chung: Có một con chung cháu **Phạm Thị Tường V**, sinh ngày 17/07/2008. Khi ly hôn giao cháu **V** cho chị **Nguyễn Thị Thúy H** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị **Nguyễn Thị Thúy H** không yêu cầu anh **Phạm Văn T** cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị **Nguyễn Thị Thúy H** và anh **Phạm Văn T** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị **Nguyễn Thị Thúy H** và anh **Phạm Văn T** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị **Nguyễn Thị Thúy H** phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005374 ngày 25 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yến